

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 133/2024/DS-ST

Ngày: 31/12/2024.

V/v: Tranh chấp "hợp đồng
vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thường

Ông Nguyễn Thanh Dũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng T, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T.

- Hai bên đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 30/8/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Tôi và bà Trần Thị Hồng T có quan hệ quen biết nên tôi có cho bà T vay tiền nhiều lần với tổng số tiền vốn là 75.000.000đồng. Số tiền vay và thời gian từng lần vay cụ thể tôi không nhớ. Đến ngày 22/3/2024 tôi và bà T tổng kết số nợ và bà T có làm biên nhận nợ tôi với số tiền là 75.000.000đồng. Bà T vay tiền để choàng tiền hụi cho các hụi viên. Thỏa thuận lãi suất vay 6%/tháng, trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên từ khi vay đến nay bà T không có trả số tiền vốn hoặc lãi gì cả.

Nay tôi yêu cầu bà Trần Thị Hồng T phải trả cho tôi số tiền vốn vay là 75.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả, tính từ ngày 22/3/2024 đến khi xét xử, tạm tính 04 tháng là $75.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng} = 4.980.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 79.980.000 đồng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2024 bị đơn bà Trần Thị Hồng T trình bày: Tôi và bà Đ là người ở xóm, gần nhà nhau. Trước đây tôi có vay tiền của bà Đ nhiều lần. Tôi và bà Đ mới chốt lại số tiền tôi nợ bà Đ là 75.000.000 đồng và tôi có làm giấy nhận nợ vào ngày 22/3/2024.

Tôi đồng ý trả số tiền vốn đã vay 75.000.000 đồng và tiền lãi 4.980.000 đồng, tổng cộng là số tiền 79.980.000 đồng cho bà Đ. Tôi xin mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Do tôi làm chủ hụi nên nhiều người không trả cho tôi nên tôi không có tiền trả cho bà Đ một lần được.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu bà Trần Thị Hồng T phải trả cho bà số tiền vốn vay là 75.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả trên số tiền vốn 75.000.000 đồng, tính từ ngày 22/3/2024 đến khi xét xử, theo mức lãi suất pháp luật quy định. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Trần Thị Hồng T đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vốn vay là 75.000.000 đồng và tiền lãi theo pháp luật quy định, nhưng xin trả dần.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của bà Nguyễn Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ tại phiên tòa, thì bà Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết buộc bà Trần Thị Hồng T phải trả cho bà số tiền vốn vay là 75.000.000 đồng và tiền lãi. Bị đơn bà Trần Thị Hồng T hiện cư trú tại ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "tranh chấp về hợp vay tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu bà Trần Thị Hồng T phải trả cho bà số tiền vốn vay là 75.000.000 đồng và tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Do có mối quan hệ quen biết nên bà Đ có cho bà T vay tiền nhiều lần với tổng số tiền vốn vay là 75.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả, nên bà Đ có đơn khởi kiện.

Xét thấy bà Đ kiện bà T yêu cầu trả số tiền vay là 75.000.000 đồng, bà Đ có giao nộp kèm theo đơn khởi kiện là 01 Giấy xác nhận nợ ngày 22/3/2024.

Theo giấy xác nhận nợ ngày 22/3/2024 thể hiện bà T thiếu bà Đ số tiền vốn vay là 75.000.000đồng. Do đó bà Đ đã có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp, theo qui định tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; Theo qui định tại Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự qui định "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Trong vụ án này bà T không có sự phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ và chứng cứ do bà Đ cung cấp. Đồng thời bà T thừa nhận nợ bà Đ 75.000.000đồng tiền vay và đồng ý trả.

Do đó có cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà Đ với bà T đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự theo qui định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Đ xác định từ khi vay đến nay bà T không có trả vốn và lãi lần nào và còn nợ số tiền vốn là 75.000.000 đồng. Lời khai của bà Đ phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được bà T thừa nhận, nên có căn cứ xác định bà T còn nợ bà Đ số vốn vay 75.000.000đồng đến nay chưa trả như bà Đ đã xác định là đúng. Vì vậy bà Đ khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Trần Thị Hồng T phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vốn vay là 75.000.000đồng theo yêu cầu của bà Đ là phù hợp với Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa hôm nay bà Đ yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn 75.000.000đồng theo mức lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 22/3/2024 cho đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy khi vay bà T có thỏa thuận trả lãi với mức lãi suất là 6%/tháng. Sau khi vay cho đến nay bà T không có trả vốn và lãi cho bà Đ, nên bà T phải có nghĩa vụ trả lãi cho bà Đ là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Đ. Theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự thì bên có nghĩa vụ trả tiền mà chậm trả thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Theo qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Do bà Đ với bà T có thỏa thuận về việc trả lãi và có xác định rõ về mức lãi suất, nên áp dụng mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Theo quy định tại Khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất sẽ là 1,66%/tháng nên bà Đ yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Thời gian bà T chậm trả từ tháng 22/3/2024 đến nay là 09 tháng, số tiền lãi được tính như sau: $75.000.000\text{đồng} \times 1,66\% \times 09 \text{ tháng} = 11.205.000$ đồng.

Tổng cộng vốn lãi sẽ là: $75.000.000\text{đồng} + 11.205.000 \text{ đồng} = \mathbf{86.205.000\text{đồng}}$.

[4] Về thời gian trả: Tại phiên tòa hôm nay bà Đ yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền vốn vay và lãi một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà T xin trả dần nhưng không xác định được thời gian và số tiền trả dần là bao nhiêu. Hội đồng xét xử xét thấy bà T đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Bà Đ đã yêu cầu bà T trả tiền nhiều lần nhưng bà T vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt thòi về quyền lợi cho bà Đ. Bà T xin trả dần nhưng không được bà Đ đồng ý.

Do đó Hội đồng xét xử buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền vốn vay và lãi tổng cộng **86.205.000đồng** theo thời gian yêu cầu của bà Đ là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên do bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Hồng T.

[6] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468, Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

- Buộc bà Trần Thị Hồng T phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vốn vay là 75.000.000đồng và 11.205.000đồng tiền lãi, tổng cộng vốn và lãi là **86.205.000đồng** (tám mươi sáu triệu, hai trăm lẻ năm nghìn đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Trần Thị Hồng T chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 357, điều 468 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Hồng T.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.995.000 đồng theo biên lai thu số 0003679 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Đ và bà T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Tân Phước.
- Chi Cục THADS huyện Tân Phước.
- Các đương sự:
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

Nguyễn Chí Khanh